

Về vấn đề đạo đức trong nghiên cứu khoa học

Bùi Hồng Việt^(*)

Tóm tắt: Nghiên cứu khoa học là một chu trình vòng tròn, bắt đầu từ việc đặt câu hỏi, đề xuất các giả thuyết, tiến hành nghiên cứu và công bố kết quả. Kết quả nghiên cứu có thể dẫn đến câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu mới. Lợi ích của hoạt động nghiên cứu khoa học là điều không ai có thể hoài nghi nhưng những lợi ích đó đạt được tới đa khi và chỉ khi có môi trường nghiên cứu lành mạnh - nơi mà “đạo đức nghiên cứu” phải được coi trọng. “Đạo đức nghiên cứu” có vai trò đặc biệt quan trọng trong các nghiên cứu khoa học. Khái niệm về đạo đức nghiên cứu cũng rất phong phú, đa dạng và được nhiều ngành khoa học ở các nước phát triển bàn luận từ lâu. Các quốc gia có nền nghiên cứu khoa học phát triển như Mỹ, Anh, Australia,... đã quan tâm đến vấn đề này từ những năm đầu thế kỷ trước, bằng các hình thức ban hành nhiều tuyên bố, thỏa thuận chung và các bộ quy tắc ứng xử về đạo đức nghiên cứu. Trên cơ sở tổng hợp các tài liệu nước ngoài, bài viết làm rõ vấn đề “đạo đức” trong nghiên cứu khoa học qua các phương diện khái niệm, lịch sử và tính pháp lý, nội dung chính trong đạo đức nghiên cứu.

Từ khóa: Mỹ, Anh, Australia, Việt Nam, Đạo đức nghiên cứu, Nghiên cứu khoa học

Nghiên cứu khoa học liên quan đến chủ đề về “con người” cần phải tuân thủ chặt chẽ các yếu tố thuộc về đạo đức với mục đích đảm bảo nghiên cứu đó không có hại cho con người và cộng đồng. Năm 1939, cơ quan “Dịch vụ Y tế công cộng” của Mỹ đã tiến hành nghiên cứu hàng trăm người da màu bị bệnh “*giang mai*” ở Tuskegee, Alabama nhằm mục đích tìm hiểu nguyên nhân và các phương pháp chữa trị bệnh. Một vài năm sau, mặc dù các nhà khoa học phát hiện ra thuốc “*penicillin*” có thể điều trị được bệnh

“*giang mai*” nhưng Chính phủ Mỹ đã quyết định không gửi “*penicillin*” cho những bệnh nhân bị nhiễm căn bệnh này ở Alabama bởi vì họ cho rằng nếu gửi thuốc điều trị, nghiên cứu của họ sẽ bị dừng lại. Hệ quả là, hàng trăm người da màu ở Tuskegee, Alabama bị chết và hàng trăm phụ nữ, trẻ em bị lây chéo bệnh giang mai (J.H. Jones 1981). Điều này cho thấy trong nghiên cứu khoa học, việc *đảm bảo tính bí mật và sự riêng tư* là những chuẩn mực đạo đức nghiên cứu tối thiểu mà mỗi nhà nghiên cứu cần phải có. Một trường hợp điển hình khác ở Mỹ, Mario Brajuha - một sinh viên tốt nghiệp tại Đại học Bang New York ở Stony Brook, đóng vai là một bồi bàn để tiến hành nghiên cứu quan sát

^(*) ThS., Viện Nghiên cứu dư luận xã hội, Ban Tuyên giáo Trung ương; Email: vietbuiipor@gmail.com

một nhà hàng bị cháy ở Long Island, New York. Khi cảnh sát tiến hành điều tra nguyên nhân của vụ cháy, nghi ngờ có dấu hiệu hình sự, họ yêu cầu Brajuha cung cấp những ghi chép nghiên cứu nhưng anh ta từ chối bởi Brajuha tuân thủ tính bảo mật và sự riêng tư của nghiên cứu. Với hành động đó, anh ta bị cảnh sát đe dọa bắt giam vào tù. Cuộc giằng co kết quả những ghi chép nghiên cứu quan sát của Brajuha kết thúc 2 năm sau khi nghi phạm chết và nhà chức trách dùng mọi nỗ lực để có được những ghi chép nghiên cứu của Brajuha (M. Brajuha & L. Hallowell, 1986: 454-478).

Những ví dụ trên cho thấy, vấn đề “đạo đức nghiên cứu” không phải là “chuyện nhỏ” mà là “chuyện lớn”, đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong nghiên cứu khoa học, ảnh hưởng trực tiếp đến chủ thể, khách thể và chất lượng nghiên cứu. Bởi vậy, cụm từ “đạo đức nghiên cứu” liên tục xuất hiện trong sách, tạp chí, tài liệu, sản phẩm nghiên cứu ở các nước có trình độ nghiên cứu khoa học phát triển như Anh, Mỹ, Australia,... Trong bối cảnh của các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, nhu cầu tăng trưởng nhanh trong nghiên cứu khoa học phải gắn với việc xây dựng nền tảng *văn hóa học thuật* vững mạnh, không có nền tảng *văn hóa học thuật* thì những thành tựu đạt được từ khoa học chỉ là những “lâu đài xây trên cát”. Vì vậy, những phương diện liên quan đến vấn đề “đạo đức” trong nghiên cứu khoa học được đề cập dưới đây có thể giúp chúng ta liên tưởng và so sánh với vấn đề này ở Việt Nam, nơi mà vấn đề đạo đức nghiên cứu còn khá mới mẻ và chưa thực sự được coi trọng.

1. Khái niệm về đạo đức nghiên cứu

Đạo đức trong tiếng Anh là *Ethics*, xuất phát từ tiếng Latin *Ethice*; theo tiếng Hy Lạp là *Ethos* hay *Ethikos* nghĩa là nhân

cách, tính cách hay phong cách. Theo từ điển Merriam Webster, đạo đức là những quy tắc ứng xử dựa trên lý tưởng về hai yếu tố đúng và sai hay tốt và xấu (<https://www.merriam-webster.com...>). Theo từ điển Oxford, đạo đức là hệ thống các nguyên tắc chi phối hành vi ứng xử hoặc hành động cụ thể của con người (<http://www.oxfordlearnersdictionaries.com...>). Theo từ điển Wikipedia mở, đạo đức là một phần của các triết lý liên quan đến việc hệ thống, bảo vệ, gợi mở các khái niệm về những hành vi sai và đúng. Đạo đức nghiên cứu liên quan đến việc áp dụng các nguyên tắc đạo đức căn bản vào nghiên cứu khoa học. Nó bao gồm việc thiết kế và thực hiện các nghiên cứu liên quan đến các thí nghiệm hay những hành vi sai trái trong nghiên cứu khoa học như: gian lận, “sào sáo” dữ liệu và đạo văn (plagiarism) (<https://vi.wikipedia.org/wiki...>). Nancy Walton định nghĩa đạo đức nghiên cứu là vấn đề đặc biệt quan trọng trong các vấn đề thuộc về đạo đức. Đạo đức nghiên cứu có ba nội dung chính: *bảo vệ người tham gia nghiên cứu; đảm bảo nghiên cứu thu hút được sự quan tâm thực sự của cá nhân, nhóm hay xã hội; kiểm tra tính đúng đắn của nghiên cứu, quản lý rủi ro, bảo vệ bí mật và nhận được sự đồng ý tham gia nghiên cứu* (Nancy Walton, 2010).

Nghiên cứu khoa học (scientific research) là cách thức con người tìm hiểu các hiện tượng khoa học một cách có hệ thống (E.R. Babbie, 1986). Robson cho rằng, nghiên cứu khoa học là nghiên cứu có hệ thống các lý thuyết khoa học và giả thuyết nghiên cứu. Giả thuyết là một kết luận duy nhất hoặc giải thích dựa trên kiến thức có sẵn cho vấn đề cần phải được kiểm định hay xa hơn là dự báo vấn đề có cần phải được kiểm nghiệm thêm hay không (C. Robson, 2010). Theo từ điển Business Dictionary, nghiên cứu khoa học

là việc sử dụng các phương pháp, kỹ thuật để kiểm định các mối quan hệ giữa các hiện tượng tự nhiên và xã hội để tìm câu trả lời cho các vấn đề cần quan tâm (<https://www.questia.com...>).

2. Lịch sử và tính pháp lý của đạo đức nghiên cứu

Để có thể hiểu rõ và sâu về đạo đức nghiên cứu, điều quan trọng là cần phải có một cái nhìn đúng về lịch sử và tính pháp lý của khái niệm này. Đạo đức nghiên cứu là khái niệm được dùng nhiều nhất trong lĩnh vực y học nhưng các nguyên tắc chung thường được áp dụng cho tất cả các lĩnh vực nghiên cứu. Sự cam kết đồng ý tham gia nghiên cứu và tính bảo mật là những điều quan trọng trong nghiên cứu khoa học.

Để giải quyết các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu được công bố tại phiên tòa ở Nuremberg, Hiệp hội Y tế thế giới (World Medical Association - được thành lập tại Paris vào năm 1947) đã thông qua một **tuyên bố chung** về đạo đức nghiên cứu tại Helsinki, Phần Lan vào năm 1964. Mặc dù Tuyên bố Helsinki (Declaration of Helsinki) được sửa đổi nhiều lần nhưng nội dung cốt lõi thì vẫn giữ nguyên. Tuyên bố Helsinki quy định những quy chuẩn đạo đức khi thực hiện các nghiên cứu về con người, nhấn mạnh “hạnh phúc của đối tượng nghiên cứu cần phải đặt lên hàng đầu, ưu tiên hơn tất cả các quyền lợi khác” (European Commission, 2013). Đạo đức nghiên cứu có liên quan chặt chẽ đến quyền con người. Hai khái niệm này có sự tác động qua lại. Điều đó được thể hiện rõ nhất tại hội nghị về quyền con người và ngành y sinh học hay còn gọi là hội nghị “Ovidedo”, với sự tham gia của các bộ trưởng các nước thuộc châu Âu năm 1996. Hội nghị Ovidedo đã đặt những vấn đề đạo đức nghiên cứu trong khung của quyền con người, đặt ra những nguyên tắc

cơ bản chung, bổ sung cụ thể đối với từng loại hình nghiên cứu. Những nguyên tắc này bao gồm: ưu tiên hàng đầu là sự quan tâm nghiên cứu, lợi ích của con người, sự đồng ý tham gia và tính bảo mật (European Commission, 2013).

Với mức độ quan trọng của đạo đức trong nghiên cứu, nhiều tổ chức quốc tế, cơ sở nghiên cứu khoa học, cơ quan chính phủ và các trường đại học ở các nước có nền khoa học phát triển đã xây dựng và thực hiện các chính sách, bộ quy tắc ứng xử, biên bản ghi nhớ liên quan đến đạo đức nghiên cứu, cụ thể:

- Các hội nghị quốc tế bàn về đạo đức nghiên cứu như: *Tuyên bố của Unesco về đạo đức sinh học và nhân quyền*; *Hướng dẫn về đạo đức cho ngành nghiên cứu y sinh học có liên quan đến quyền con người của Tổ chức khoa học về y học* (European Commission, 2013). Trong khuôn khổ quy định của châu Âu, đạo đức nghiên cứu được xây dựng dựa trên những cam kết rõ ràng về nhân quyền. Để nâng cao và thực thi nghiêm vấn đề này, Ủy ban châu Âu đã thực hiện *luật quyền con người* (The European Charter of fundamental rights). Các chuyên gia và tổ chức nghiên cứu khoa học thường xuyên xây dựng hệ thống các quy tắc ứng xử đạo đức nghiên cứu. Ví dụ: Hiệp hội Xã hội học quốc tế với *Quy tắc ứng xử đạo đức* (Code of ethics); *Quy tắc ứng xử đạo đức và thực hành của Tổ chức Tâm lý xã hội Anh* (The code of ethics and conduct). *Tuyên bố Singapore* về đạo đức nghiên cứu (European Commission, 2013).

- Hoa Kỳ là quốc gia số một trên thế giới về ban hành các chính sách liên quan đến đạo đức nghiên cứu, bao gồm: Viện Y tế quốc gia của Hoa Kỳ; Quỹ Khoa học quốc gia; Bộ Nông nghiệp; Các cơ quan về lương thực và y tế đều có các nguyên tắc đạo đức trong việc *tài trợ nghiên cứu*

cho các nhà nghiên cứu; Ngoài ra còn có một số tổ chức có các chính sách đặc thù cho đạo đức nghiên cứu như: *Bộ quy tắc ứng xử về đạo đức nghiên cứu của Hội nhân học Mỹ*; *Tuyên bố cấp cao về đạo đức nghiên cứu của Hội các trường đại học Mỹ* (David B. Jesnik, 2015).

3. Những nội dung chính trong đạo đức nghiên cứu

Khi đề cập đến vấn đề đạo đức nghiên cứu, các nhà nghiên cứu ở các nước phát triển như Mỹ, Anh, Australia,... chủ yếu tập trung vào các nội dung như: *sự trung thực; tính khách quan; tính chính trực, đàng hoàng; sự cẩn thận; sự cởi mở; sự tôn trọng sở hữu trí tuệ; bảo mật thông tin; sự chịu trách nhiệm xuất bản; tôn trọng đồng nghiệp; trách nhiệm xã hội; không phân biệt đối xử; trách nhiệm nâng cao trình độ chuyên môn; tuân thủ luật pháp và bảo vệ con người* (Nancy Walton, 2010).

Nguyên tắc đầu tiên trong đạo đức nghiên cứu là *sự trung thực (honesty)*. Đây là một trụ cột cơ bản nhất trong các nguyên tắc của đạo đức khoa học. Sự trung thực ở đây thể hiện ở tất cả các khâu thực hiện nghiên cứu. Cụ thể là trung thực trong báo cáo số liệu, kết quả nghiên cứu, phương pháp, quá trình thực hiện và công bố kết quả nghiên cứu. Nguyên tắc này quy định các nhà khoa học *không được chế tạo, làm sai lệch, xuyên tạc dữ liệu, không lừa dối đồng nghiệp, nhà tài trợ nghiên cứu hoặc cộng đồng*.

Tính khách quan (objectivity) quy định rõ nhà nghiên cứu nên tránh định kiến hoặc thiên vị (chính trị hoặc lợi ích cá nhân) trong *thiết kế nghiên cứu, phân tích dữ liệu, giải thích số liệu, đề xuất giải pháp, quyết định nhân sự nghiên cứu, tránh việc tự lừa dối cá nhân*. Vấn đề lợi ích cá nhân và chính trị có thể ảnh hưởng đến kết quả nghiên cứu.

Tính chính trực, đàng hoàng (integrity), quy định rõ việc các nhà nghiên cứu nên giữ lời hứa, các thỏa thuận trong hợp đồng đã được ký kết, nghiên cứu với sự chân thành, nhiệt tình, không vụ lợi.

Sự cẩn thận (carefulness) quy định nhà nghiên cứu nên tránh các lỗi bất cẩn và câu thả; nghiêm túc, tập trung nhằm hoàn thành công việc, lưu giữ hồ sơ hoạt động nghiên cứu như: thu thập số liệu, thiết kế nghiên cứu và các cuộc trao đổi với giới truyền thông một cách cẩn thận.

Sự cởi mở (openness) quy định nhà nghiên cứu cởi mở trong việc chia sẻ dữ liệu, kết quả, ý tưởng, công cụ và tài liệu nghiên cứu. Đặc biệt, nhà nghiên cứu cũng nên cởi mở đón nhận những lời chỉ trích, phê phán về nghiên cứu của mình, chấp nhận và đồng thuận với các ý tưởng mới, ý tưởng khác biệt.

Sự tôn trọng sở hữu trí tuệ (respect for intellectual property) quy định nhà nghiên cứu cần tôn trọng bản quyền tác giả và các hình thức sở hữu trí tuệ, không sử dụng các dữ liệu chưa được công bố, phương pháp nghiên cứu hoặc kết quả nghiên cứu mà chưa được phép của những người có thẩm quyền, đặc biệt là cấm kỳ các hành vi “đạo văn”.

Tính bảo mật (confidentiality) quy định nhà nghiên cứu cần có các hình thức bảo mật về truyền thông, các sản phẩm hay sự tài trợ, cân nhắc kỹ xem có được công bố kết quả nghiên cứu hay không, các bản ghi âm phỏng vấn, bảo đảm bí mật cho người tham gia nghiên cứu, bí mật thương mại hoặc quân đội, bí mật về đặc điểm cá nhân, tình trạng bệnh tật của người tham gia nghiên cứu.

Trách nhiệm xuất bản (responsible publication) quy định nhà nghiên cứu xuất bản các sản phẩm khoa học để thúc đẩy nghiên cứu và phát triển học thuật, không vì mục đích cá nhân và công việc đặc thù của

mình, tránh việc không công bố hoặc công bố kết quả trùng lặp với các nghiên cứu trước, gây lãng phí hoặc công bố kết quả nghiên cứu có thể gây hại cho cộng đồng.

Tôn trọng đồng nghiệp (respect for colleagues) quy định rõ nhà nghiên cứu phải tôn trọng đồng nghiệp, đối xử với họ một cách công bằng, chấp nhận tranh luận tích cực, cầu thị, chấp nhận các ý tưởng mới từ đồng nghiệp.

Trách nhiệm xã hội (social responsibility) quy định các nhà nghiên cứu phải phân đầu nghiên cứu để thúc đẩy lợi ích xã hội, ngăn chặn hoặc giảm thiểu các tác hại tiêu cực của xã hội thông qua nghiên cứu, vận động và giáo dục cộng đồng.

Không phân biệt đối xử (non-discrimination) quy định nhà nghiên cứu tránh phân biệt đối xử với đồng nghiệp hoặc sinh viên về giới tính, chủng tộc, sắc tộc hoặc các yếu tố khác không liên quan đến thẩm quyền khoa học cho phép.

Trách nhiệm nâng cao trình độ chuyên môn (competence) quy định nhà nghiên cứu cần duy trì và nâng cao năng lực chuyên môn thông qua việc học tập và giáo dục suốt đời, trách nhiệm thúc đẩy tự mình nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học.

Tính pháp lý (legality) quy định nhà nghiên cứu phải biết và thực hiện tuân thủ theo pháp luật và các chính sách cụ thể của nhà nước.

Bảo vệ con người (human subject protection) quy định nhà nghiên cứu khi tiến hành nghiên cứu trên đối tượng là con người thì cần phải giảm thiểu tác hại và rủi ro, tôn trọng phẩm giá con người, sự riêng tư, có các biện pháp phòng ngừa những rủi ro có hại đến tâm lý, tình cảm sức khỏe, đặc biệt là đối với những nhóm người dễ bị tổn thương, yếu thế trong xã hội.

Trên cơ sở những phân tích ở trên, tác giả rút ra một số gợi mở nhằm giảm thiểu

các hành vi vi phạm đạo đức trong nghiên cứu khoa học, cụ thể là:

Thứ nhất, xây dựng và thực hiện bộ quy tắc ứng xử về đạo đức trong nghiên cứu khoa học. Các tổ chức, cơ sở nghiên cứu nên xây dựng các bộ quy tắc ứng xử đạo đức trong nghiên cứu khoa học tại cơ quan, đơn vị của mình. Bộ quy tắc này phải được các nhà nghiên cứu thuộc lòng, như “kim chỉ nam” soi đường trong khi tiến hành nghiên cứu khoa học. Bên cạnh đó, các tổ chức cần công khai, chỉ tên đích danh những nhà khoa học có hành vi vi phạm đạo đức nghiên cứu trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Thứ hai, phát huy vai trò của các trường, viện, tổ chức nghiên cứu trong việc tạo ra và duy trì một môi trường thúc đẩy văn hóa nghiên cứu. Nâng cao nhận thức và thái độ thực hiện các văn bản chính sách liên quan đến đạo đức nghiên cứu.

Thứ ba, mỗi một tổ chức nghiên cứu khoa học cần có một quy trình phù hợp với đặc điểm của mình để quản lý hoạt động nghiên cứu, bao gồm: quy trình đánh giá chất lượng, sự an toàn, mức độ rủi ro, mức độ bảo vệ quyền riêng tư, vấn đề tài chính và đạo đức, sao cho mỗi thành viên tham gia vào hoạt động nghiên cứu khoa học đều hiểu rõ trách nhiệm của mình là gì và nghĩa vụ giải trình trách nhiệm ấy sẽ được thực hiện như thế nào.

Thứ tư, vấn đề đạo đức nghiên cứu cần phải đưa vào giảng dạy chính thức cho sinh viên tại các trường đại học, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khoa học, để sinh viên có ý thức về đạo đức nghiên cứu ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường, giúp họ tạo thành thói quen làm việc, nghiên cứu khoa học chân chính; nghiêm cấm hành vi “đạo văn” dưới mọi hình thức ở các cơ sở đào tạo và có các biện pháp xử lý nghiêm đối với những đối tượng vi phạm hành vi.

Thứ năm, tiến hành xét duyệt IRB (Institutional Review Board) thông qua việc đánh giá về khía cạnh đạo đức của nghiên cứu bằng cách xem xét, đánh giá các tài liệu trong hồ sơ nghiên cứu bao gồm: đề cương nghiên cứu; mẫu chấp thuận tình nguyện tham gia nghiên cứu (ICF); thông tin về nghiên cứu cung cấp cho đối tượng nghiên cứu; các quy trình tuyển chọn đối tượng, các tài liệu quảng bá cho nghiên cứu; hồ sơ sản phẩm thử nghiệm (IB), trong đó bao hàm các dữ liệu nghiên cứu liên quan ở các giai đoạn nghiên cứu trước của sản phẩm nghiên cứu; thông tin đã có về tính an toàn của sản phẩm; các khoản chi trả và bồi dưỡng cho đối tượng, hình thức chi trả; lý lịch khoa học hoặc các tài liệu xác nhận trình độ chuyên môn của nghiên cứu viên.

* * *

Có thể kết luận rằng, “đạo đức nghiên cứu” - vấn đề “tuồng cũ mà mới”, “tuồng mới mà cũ”, luôn đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong các nghiên cứu khoa học và hiện diện trong tất cả các khâu của chu trình nghiên cứu khoa học, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả nghiên cứu và các thành viên tham gia nghiên cứu. Những phẩm chất trong đạo đức nghiên cứu được đề cập ở trên được ghi chép cẩn thận trong các cuốn sổ tay của nhà nghiên cứu, nó được coi như những tiêu chuẩn để nhà nghiên cứu đối chiếu thực hiện trong quá trình triển khai nghiên cứu của mình □

Tài liệu tham khảo

1. C. Robson (2010), *Real world research*, Sage Publications, New York.
2. David B. Jesnik (2015), *Đạo đức trong nghiên cứu là gì và tại sao nó lại quan trọng*, Viện Nghiên cứu khoa học Sức khỏe và Môi trường, Hà Nội.
3. Earl R. Babbie (1986), *The practice of social research*, Masaryk University, Czech Republic.
4. European Commission (2013), *Ethics for researchers*, Publications office of the European Union, Luxembourg.
5. J.H. Jones (1981), *Bad blood: The Tuskegee syphilis experiment*, Free Press, New York.
6. M. Brajuha & L. Hallowell (1986), “Legal intrusion and the Politics of Fieldwork: The impact of the Brajuha case”, *Urban Life*, 14.
7. Nancy Walton (2010), *What is research ethics?*, Reseach Ethic.ca.
8. *Business Dictionary*, <https://www.questia.com/library/7878418/ethical-studies>
9. *Merriam Webster*, <https://www.merriam-webster.com/dictionary/ethic>
10. *Oxford*, <http://www.oxfordlearnersdictionaries.com/definition/english/ethic?q=ethic>.
11. *Wikipedia*, https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1o_%C4%91%E1%BB%A9c